

Số: 138 /QĐ-UBND

Quận 10, ngày 19 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu – chi ngân sách Quý IV Năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 10 tại Tờ trình số 98/TTr-TCKH ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc công bố công khai quyết toán thu – chi ngân sách Quận 10 quý IV năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu – chi ngân sách quý IV năm 2021 của Quận 10 (các biểu đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

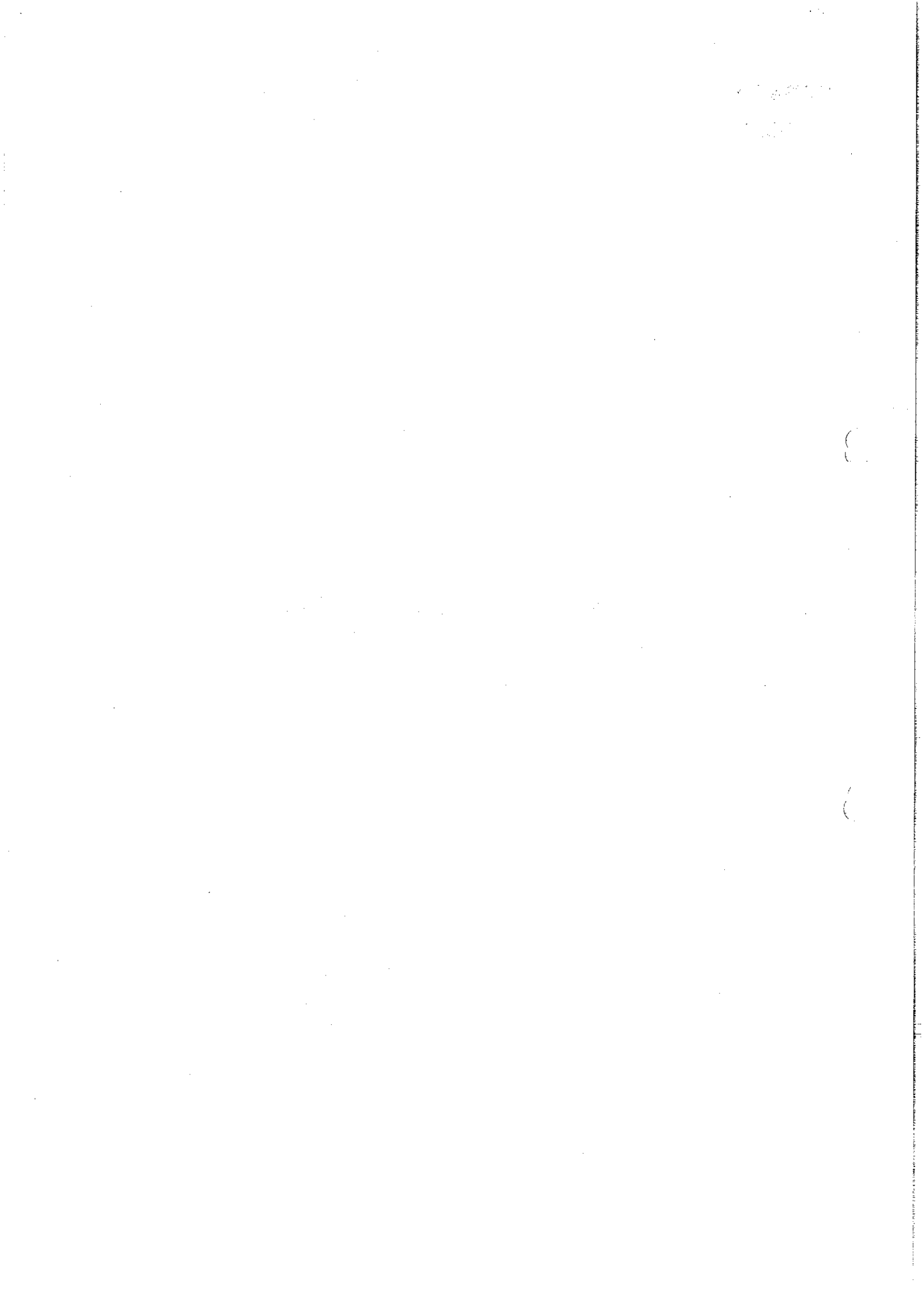
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 10, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Quận 10 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ll

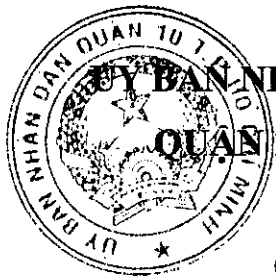
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính T/p;
- TT.UBND Q10 (CT, PCT);
- VP. UBND Q10;
- Lưu: VT, Thù.



Nguyễn Thị Thu Hương





ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

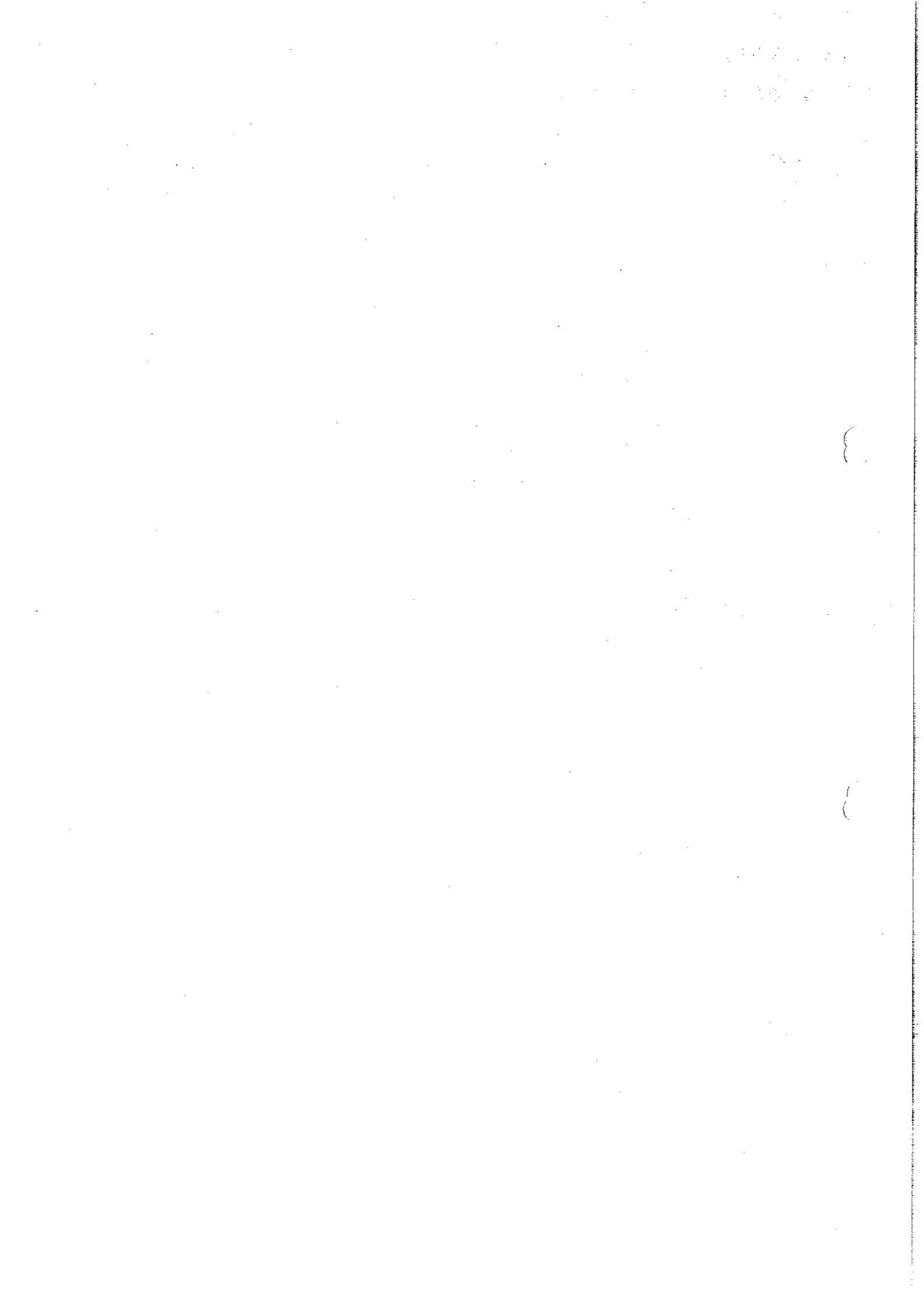
Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 138 /QĐ-UBND ngày 19 /01 /2022 của UBND Q10)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.116.000	552.989	26,13%	92,50%
<i>I</i>	<i>Thu cân đối NSNN</i>	<i>2.116.000</i>	<i>552.989</i>	<i>26,13%</i>	<i>92,50%</i>
1	Thu nội địa	2.116.000	552.989	26,13%	92,50%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
3	Thu viện trợ				
<i>II</i>	<i>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</i>				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	811.656	380.859	46,92%	148,93%
<i>I</i>	<i>Tổng chi cân đối ngân sách quận</i>	<i>811.656</i>	<i>380.859</i>	<i>46,92%</i>	<i>148,93%</i>
1	Chi đầu tư phát triển	-	3.054		
2	Chi thường xuyên	794.840	377.805	47,53%	152,02%
3	Dự phòng ngân sách	16.816	0		
4	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		0		
5	Chi BSNS cấp dưới	154.573	196.526	127,14%	
6	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
<i>II</i>	<i>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</i>				





ỦY BAN NHÂN DÂN

QUANG PHU

Biểu số 94/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ IV NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 138 /QĐ-UBND ngày 01/01/2022 của UBND Q10)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.116.000	552.989	26,13%	95,08%
I	Thu nội địa	2.116.000	552.989	26,13%	95,08%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	16.900	15.043	89,01%	139,51%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	68.000	17.238	25,35%	100,95%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.055.100	261.419	24,78%	91,51%
4	Thuế thu nhập cá nhân	377.000	75.726	20,09%	88,70%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	210.000	61.402	29,24%	110,04%
7	Thu phí, lệ phí	50.534	10.668	21,11%	105,60%
8	Lệ phí môn bài	19.466	643	3,31%	37,29%
9	Các khoản thu về nhà, đất	234.000	94.738	40,49%	106,68%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	7.844	78,44%	241,14%
-	Thu tiền sử dụng đất	34.000	2.862	8,42%	146,91%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	190.000	84.033	44,23%	100,51%
-	Thuế đất				
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
11	Thu hồi vốn đầu tư				

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
12	Thu khác ngân sách	85.000	16.111	18,95%	61,34%
13	Thu hưởng thêm từ DN TW và TP				
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	267.212	75.491	28,25%	98,71%
1	Từ các khoản thu phân chia	188.478	47.046	24,96%	89,67%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	78.734	28.445	36,13%	118,47%



ỦY BAN NHÂN DÂN

QUẬN 10

Biểu số 95/CK-NSNN

LƯỢC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 138 /QĐ-UBND ngày 19 / 01 /2022 của UBND Q10)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	811.656	380.859	46,92%	95,48%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	811.656	380.859	46,92%	95,48%
I	<i>Chi đầu tư phát triển</i>	-	3.054		60,91%
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	3.054		60,91%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	<i>Chi thường xuyên</i>	794.840	377.805	47,53%	102,19%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	357.234	75.679	21,18%	110,13%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	28.447	33.010	116,04%	220,23%
4	Chi văn hóa thông tin	4.578	586	12,80%	160,47%
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	1.767	88	4,97%	83,41%

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
7	Chi bảo vệ môi trường	34.367	7.912	23,02%	100,75%
8	Chi hoạt động kinh tế	36.831	15.512	42,12%	101,35%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	192.753	51.161	26,54%	91,84%
10	Chi bảo đảm xã hội	79.836	178.974	224,18%	1276,24%
11	Chi ANQP và TTAT xã hội	50.749	14.137	27,86%	91,43%
12	Chi CD, CS mới phát sinh				
13	Chi khác NS	8.278	746	9,01%	87,64%
III	Dự phòng ngân sách	16.816	-	0,00%	
IV	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		-		
V	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
VI	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã	154.573	196.526	127,14%	107,54%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				

22

II- Thuyết minh:

Ngân sách Quận:

Dự toán thành phố giao đầu năm (không tính số ghi chi ngân sách) 811.656 triệu đồng, thực hiện chi 380.859 triệu đồng, đạt 46,92% so dự toán, chi tiết như sau:

1. Chi Quốc phòng - An ninh:

1.1. Quốc phòng: 4.382 triệu đồng, đạt 13,54% so với dự toán (32.372 triệu đồng).

1.2. An ninh: 3.580 triệu đồng, đạt 19,48% so với dự toán (18.377 triệu đồng).

2. Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 75.679 triệu đồng, đạt 21,18% dự toán (357.234 triệu đồng).

3. Chi sự nghiệp Y tế: 17.616 triệu đồng, đạt 61,93% so với dự toán (28.447 triệu đồng).

5. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin: 586 triệu đồng, đạt 12,80% so với dự toán (4.578 triệu đồng).

6. Sự nghiệp phát thanh – truyền hình – thông tấn: 0 triệu đồng.

7. Chi sự nghiệp Thể dục – Thể thao: dự toán giao 1.767 triệu đồng, do Trung tâm Thể dục Thể thao quận là đơn vị sự nghiệp loại 1 nên cân đối từ nguồn thu của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8. Chi sự nghiệp xã hội : 178.974 triệu đồng, đạt 224,56% so với dự toán (79.699 triệu đồng).

9. Chi sự nghiệp kinh tế: 15.512 triệu đồng, đạt 42,12% so với dự toán (36.831 triệu đồng).

9.1 Chi sự nghiệp môi trường: 8.861 triệu đồng, đạt 25,78 % so với dự toán (34.367 triệu đồng).

10. Chi Quản lý nhà nước – Đảng – Đoàn thể: 50.212 triệu đồng, đạt 26,05% so với dự toán (192.753 triệu đồng).

11. Chi khác: 746 triệu đồng, đạt 9,01% so với dự toán (8.278 triệu đồng).

12. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới: dự toán thành phố giao ngân sách Quận cấp bổ sung về ngân sách phường 154.573 triệu đồng, thực hiện 196.526 triệu đồng, đạt 127,14%;

